

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 338/TM-BVKV-HCQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty, đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi đang có nhu cầu mua Đồ vải sử dụng năm 2026 phục vụ công tác khám chữa bệnh của bệnh viện. Để có căn cứ xây dựng dự toán giá gói thầu, đề nghị các công ty, đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ cung cấp báo giá, cụ thể như sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết phụ lục theo mẫu đính kèm.
- Mục đích báo giá: Xác định giá làm cơ sở tham khảo để lập dự toán, kinh phí.
- Hình thức báo giá: Bản giấy có đóng dấu.
- Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến đơn vị sử dụng, ... bên mua hàng hóa, dịch vụ không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.
- Thông tin xin gửi về địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi – Số 962, đường Phan Văn Khải, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.38924231 - 232
- Thời hạn gửi báo giá: Trước 10 giờ 00 phút ngày 08 tháng 9 năm 2026.

Xin trân trọng cảm ơn./. *fu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC



MẪU BÁO GIÁ
Áp dụng đối với gói thầu Đồ vải sử dụng năm 2026

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi, chúng tôi (ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp) báo giá Đồ vải sử dụng năm 2026 như sau:

BẢNG BÁO GIÁ
Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CỦ CHI

Công ty chúng tôi kính gửi quý Bệnh viện bảng báo giá Đồ vải sử dụng năm 2026 như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Áo mổ dây	Áo phẫu thuật dài tay, chiều dài quá gối 5 -10cm, bo chun tay 6 cm, buộc dây phía sau Size: XXL	Chất liệu: Kaki chéo hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 195 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,39 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 428 ±2, ngang: 216 ±2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): ≥ 4 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: - 3, ngang: - 3,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 - Màu sắc: Xanh cỏ vịt + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h	Cái	109		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Áo oxy nhỏ	Hình ống, đường kính 30 cm, cao 100 cm, rút dây 1 đầu, 1 đầu rộng	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ± 2 , 35% Cotton ± 2 + Khối lượng vải (g/m ²): 156 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ± 2 , ngang: 257 ± 2 + Độ dày (mm): $\geq 0,34$ + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	13		
3	Áo oxy nhỏ lớn	Hình ống, đường kính 40 cm, cao 125 cm, rút dây 1 đầu, 1 đầu rộng	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ± 2 , 35% Cotton ± 2 + Khối lượng vải (g/m ²): 156 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ± 2 , ngang: 257 ± 2 + Độ dày (mm): $\geq 0,34$ + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	12		
4	Áo sản phụ	Kiểu dáng: Áo cổ tròn, cài cúc giữa, ngấn tay, dáng suông, chiều dài quá mông. In logo trên ngực trái áo Size: XL, XXL Tỷ lệ: 1:1	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ± 2 , 35% Cotton ± 2 + Khối lượng vải (g/m ²): 156 ± 2 + Mật độ vải (sợi/inch): Dọc: 72 ± 2 , ngang: 67 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40°C (%): Dọc: -1,5, ngang: -1,0 + Độ bền màu với chất tẩy: 3-4 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h Màu sắc: Hồng cánh sen	Cái	46		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
5	Bao gửi đồ hấp	Hình hộp kích thước: Cao 1m, ngang 1m, đáy 80cm	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	5		
6	Dây cố định bệnh nhân	Chiều dài 1,6m, rộng 2,5cm, đoạn giữa có hình chữ nhật (23x8) cm, may lộn 04 lớp	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Sợi	120		
7	Drap 1m5 x 2m5 (1 lớp)	KT (150*250) cm, may viền xung quanh	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Tám	1037		

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
8	Drap đắp 2 lớp 1m3 x 1m3	KT (130*130) cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	1		
9	Khăn lau tay phẫu thuật 02 lớp 60cm x 60cm	KT (60*60) cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	111		
10	Khăn lỗ lớn 2 lớp 120cm x 120cm	KT (120*120) cm, đường kính lỗ 15cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	4		



STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
11	Khăn lót tay 02 lớp 50cm x 50cm	KT (50*50) cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	180		
12	Khăn trải mâm 02 lớp 60cm x 60cm	KT (60*60) cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	95		
13	Khăn trải mỗ 2 lớp 1m x 2m2	KT (100*220) cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	149		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
14	Khăn trải mỗ 2 lớp 1m3 x 1m3	KT (130*130) cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: - 2,5, ngang: - 2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	96		
15	Khăn trải mỗ 2 lớp 1m7 x 1m7	KT (170 x 170)cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: - 2,5, ngang: - 2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	141		
16	Khăn trải mỗ 2 lớp 90cm x 90cm	KT (90*90) cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: - 2,5, ngang: - 2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	120		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
17	Khăn vuông 2 lớp 120cm x 120cm	KT (120*120) cm, may viền xung quanh, may chân chéo	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	4		
18	Ổng chân	Theo mẫu bệnh viện Hình ống dài đến cổ chân, có bo thun ở một đầu để cố định	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m2): 156 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 280 ±2, ngang: 257 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,34 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: -2,5, ngang: -2,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Trắng	Cái	2		
19	Trang phục của người nhà người bệnh	Áo cổ tròn, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài quá gối 5-10cm, phía trước 3 túi, phía sau xe giữa tới ngang mông	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 263 ±5, ngang: 252 ±5 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40°C (%): Dọc: -1,0, ngang: 0 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): ≥ 4 + Hàm lượng Formaldehyt : K.p.h - Màu sắc: Vàng nhạt	Cái	27		

10/10/2021

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
20	Trang phục người bệnh	Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau. In logo bệnh viện và tên khoa trên ngực áo Size: L, XL, XXL Tỷ lệ: 1:1:1	Chất liệu: Kate silk hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu vải: 100% Polyester + Khối lượng vải (g/m ²): 114.5 ±5 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 449 ±5, ngang: 316 ±5 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40°C (%): Dọc: 0, ngang: 0 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): phai màu: 4-5 - Màu sắc: Xanh hòa bình	Bộ	249		
21	Trang phục phẫu thuật viên	Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái; Quần kéo dây rút, in số trên áo và quần, in logo bệnh viện trên ngực áo Size: XXL	Chất liệu: Kaki chéo hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m ²): 195 ±2 + Độ dày (mm): ≥ 0,39 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 428 ±2, ngang: 216 ±2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): ≥ 4 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: - 3, ngang: - 3,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Xanh cổ vịt	Bộ	90		
22	Túi giao dụng cụ	Hình hộp kích thước: Cao 1m, ngang 1m, đáy 80cm	Chất liệu: Kate hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ±2, 35% Cotton ±2 + Khối lượng vải (g/m ²): 153 ±2 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 368 ±2, ngang: 312 ±2 - Màu sắc: màu xanh hòa bình	Cái	1		



STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách, kiểu dáng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
23	Váy sản phụ (Size XL, XXL)	Chân váy rời, dáng suông, lưng kéo dây rút chiều dài quá gối 10cm Size: XL, XXL Tỷ lệ: 1:1	Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ± 2 , 35% Cotton ± 2 + Khối lượng vải (g/m ²): 156 ± 2 + Mật độ vải (sợi/inch): Dọc: 72 ± 2 , ngang: 67 ± 2 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40°C (%): Dọc: - 1,5, ngang: - 1,0 + Độ bền màu với chất tẩy: 3-4 + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h Màu sắc: Hồng cánh sen	Cái	24		
24	Vớ chân	Vớ vải chân, chiều dài bàn chân 36 cm (02 lớp vải), chiều ngang 16 cm, chiều cao cổ chân 30 cm (tính từ gót chân lên), chiều ngang cổ chân 23 cm đính 02 dây cột	Chất liệu: Kaki chéo hoặc tương đương + Thành phần nguyên liệu: 65% Polyester ± 2 , 35% Cotton ± 2 + Khối lượng vải (g/m ²): 195 ± 2 + Độ dày (mm): $\geq 0,39$ + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 428 ± 2 , ngang: 216 ± 2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): ≥ 4 + Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C (%): Dọc: - 3, ngang: - 3,5 + Độ bền màu giặt ở 60°C (cấp): phai màu: 4-5 - Màu sắc: Xanh cổ vịt +Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Màu sắc: Xanh cổ vịt	Cái	25		
25	Khăn trải bàn	Màu sắc: Trắng tinh/Trắng y tế Kích thước: 1.8m x 2.5m Đường viền biên khăn: may gấp cuộn biên bọc kỹ, đi chỉ đôi chắc chắn	Chất liệu vải thun: + Thành phần nguyên liệu: 100% cotton + Khổ rộng (cm): ≥ 180 + Mật độ: Hàng vòng/10cm: ≥ 155 ; Cột vòng/10cm: ≥ 120 Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 250 Vải đầm tay, dày dặn, không bị xuyên thấu, không lộ mặt bản bên dưới, co giãn nhẹ để giữ form, không bị chảy xệ hoặc bai nhão sau khi giặt. Độ co giãn: co giãn 2 chiều hoặc 4 chiều	Cái	30		

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến đơn vị sử dụng, ... bên mua hàng hóa, dịch vụ không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

CÔNG TY.....
(Ký tên, đóng dấu)

